

PHỤ LỤC 2: MA TRẬN PHÂN NHIỆM PLO CHO CÁC HỌC PHẦN

NGÀNH: GDTH

A	B	C	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	TỔNG SỐ PLO ĐƯỢC PHÂN NHIỆM CHO MỖI HP			
Số HP được phân nhiệm cho mỗi PLO					Trọng số	0	6	3	11	12	9	10	5	8	10	8	14	8	8	3	8	7	8	8		7		
TT	Loại học phần	Mã học phần	Tên học phần		PLO	1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4				
					DNL	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	3,5	3,5		3,5	3,5	3,5
					%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		100	100	100
					ĐTB	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,1	2,5	2,5	3,5	3,5	3,5	3,5	3,5
1	Bắt buộc	PRIa72301	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	MNL	DA	2,5		2,5									2,5	2,5		3,5	3,5	3,5	3,5	3,5	9			
				Trọng số		25		10									10	10		5	5	5	5	5				
2	Bắt buộc	POEa71301	Triết học Mác - Lênin	MNL		2,5				2,5				2,5											3			
				Trọng số		15				10				10														
3	Bắt buộc	PEDa71302	Tâm lý học đại cương	MNL			2,5			2,5						2,5									3			
				Trọng số			30			10						5												
4	Bắt buộc	PRIa72302	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội	MNL				2,5			2,5					2,5									3			
				Trọng số				10			10					5												
5	Bắt buộc	PRIa72303	Cơ sở Toán học 1	MNL				2,5		2,5						2,5									3			
				Trọng số				10		10						5												
6	Bắt buộc	ENGa71301	Tiếng Anh 1	MNL							2,5			2,5					2,5						3			
				Trọng số							10			10					20									
7	Bắt buộc	PEDa73301	Giáo dục học đại cương	MNL			2,5				2,5				2,5										3			
				Trọng số			30				10				10													
8	Bắt buộc	PRIa72304	Cơ sở Việt ngữ học	MNL				2,5			2,5					2,5									3			
				Trọng số				10			10					5												
9	buộc	72302	Tâm lý học giáo	MNL	DA				2,5							2,5		2,5		3,5	3,5	3,5	3,5	3,5	8			





